

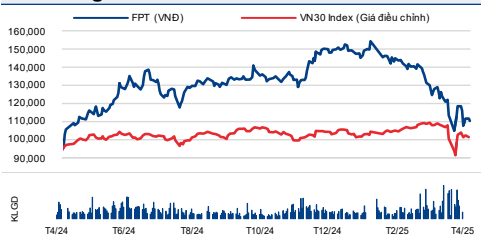
Mua vào

Giá mục tiêu: VNĐ157,100
Tiềm năng tăng/giảm: 42.3%

Giá cổ phiếu (đồng) (22/4/2025)	110,400
Mã Bloomberg	FPT VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	96,313-154,300
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	111,233
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	162,406
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	6,268
Sig CP lưu hành (tr.đv)	1,471
Sig CP NN được sở hữu (tr.đv)	721
Sig CP NN được mua (tr.đv)	90.1
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	42.9%
Tỷ lệ freefloat	78.8%
Cổ đông lớn	Trương Gia Bình (7.07%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-24A	12-25F	12-26F
DT thuần (tỷ đồng)	62,849	73,578	88,250
EBITDA đc (tỷ đồng)	13,044	15,053	18,088
LNTT (tỷ đồng)	11,070	13,140	15,732
LNT ĐC (tỷ đồng)	7,849	9,335	11,262
FCF (tỷ đồng)	8,428	6,605	8,302
EPS ĐC (đồng)	4,917	5,844	7,051
DPS (đồng)	2,000	2,500	2,500
BVPS (đồng)	20,253	23,650	28,200
T.trưởng EBITDA (%)	21.5	15.4	20.2
T.trưởng EPS ĐC (%)	5.47	18.9	20.6
Tăng trưởng DPS (%)	0	25.0	0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	20.8	20.5	20.5
Tỷ suất LNTT (%)	17.6	17.9	17.8
Tỷ suất LNT ĐC (%)	12.5	12.7	12.8
Tỷ lệ LN trả CT (%)	40.7	42.8	35.5
Nợ thuần/VCSH (%)	20.8	16.8	10.5
ROAE (%)	28.7	28.9	29.6
ROACE (%)	31.0	29.4	30.1
EV/doanh thu (lần)	2.67	2.28	1.88
EV/EBITDA ĐC (lần)	12.9	11.1	9.18
P/E ĐC (lần)	22.5	18.9	15.7
P/B (lần)	5.45	4.67	3.91
Lợi suất cổ tức (%)	1.81	2.26	2.26

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

FPT đang chuyển mình từ một đơn vị gia công phần mềm trở thành công ty công nghệ thực thụ trên phạm vi toàn cầu.

Chuyên viên phân tích

Võ Thị Ngọc Hân, CFA

Giám Đốc Cấp Cao, Ngành Công Nghiệp
han.vtn@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 314

Trần Thị Thu Nga, CFA

Trưởng phòng, Ngành Công Nghiệp &
nga.ttthu@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4807

Q1/2025: Lợi nhuận thuần tăng 21% so với cùng kỳ, sát dự báo

- KQKD Q1/2025 sát dự báo, với lợi nhuận thuần tăng 21% so với cùng kỳ (tăng 4% so với quý trước) đạt 2.174 tỷ đồng trên doanh thu thuần 16.058 tỷ đồng (tăng 14% so với cùng kỳ, giảm 9% so với quý trước). Riêng trong tháng 3, lợi nhuận thuần tăng 20% so với cùng kỳ trong khi doanh thu tăng chậm hơn, chỉ tăng 10% so với cùng kỳ dẫn dắt bởi mảng Dịch vụ CNTT nước ngoài tăng 10% so với cùng kỳ.
- Tăng trưởng doanh thu có dấu hiệu chậm lại trong tháng 3 và Q1/2025, chủ yếu do tăng trưởng doanh thu tại thị trường châu Á-Thái Bình Dương (tăng 5% so với cùng kỳ) và Mỹ (tăng 8% so với cùng kỳ) yếu đi, dù thị trường Nhật Bản và EU vẫn duy trì đà tăng tốt lần lượt 30% và 25% so với cùng kỳ.
- FPT đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 17,9 lần, thấp hơn bình quân 3 năm ở mức 19,2 lần. HSC duy trì khuyến nghị Mua vào với giá mục tiêu 157.100đ và lợi nhuận thuần năm 2025 dự báo đạt 9.345 tỷ đồng (tăng trưởng 19% so với cùng kỳ).

Sự kiện: Công bố KQKD Q1/2025

Vào thứ Hai ngày 21/4, FPT đã công bố KQKD Q1/2025 sát với dự báo của HSC với lợi nhuận thuần đạt 2.174 tỷ đồng (tăng 21% so với cùng kỳ, tăng 4% so với quý trước, cao hơn nhẹ so với dự báo của HSC) và doanh thu thuần đạt 16.058 tỷ đồng (tăng 14% so với cùng kỳ, giảm 9% so với quý trước, thấp hơn nhẹ so với dự báo). Với KQKD này, FPT đã đạt lần lượt 22% và 23% dự báo doanh thu và lợi nhuận thuần cả năm 2025 của HSC.

Tăng trưởng mảng Công nghệ có dấu hiệu chững lại khi rủi ro gia tăng

Trong Q1/2025, doanh thu và LNTT của mảng Công nghệ đạt lần lượt 9.769 tỷ đồng (tăng 15% so với cùng kỳ nhưng giảm 12% so với quý trước) và 1.416 tỷ đồng (tăng 23% so với cùng kỳ và đi ngang so với quý trước). Tỷ suất LNTT mảng Công nghệ trong Q1/2025 đạt 14,5%, so với 13,6% trong Q1/2024 và 12,7% trong Q4/2024.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 23/4.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q1/2025, FPT

Lợi nhuận thuần tăng 21% so với cùng kỳ dù doanh thu chỉ tăng 14% so với cùng kỳ; kết quả này sát với dự báo của HSC

Tỷ đồng	T3/25	% so với cùng kỳ	Q1/25	% so với cùng kỳ	% so với quý trước	% 2025F của HSC
Doanh thu	5,620	9.6%	16,058	13.9%	-8.8%	21.8%
CNTT	3,575	9.3%	9,769	15.3%	-12.4%	20.2%
Nước ngoài	2,923	10.5%	8,186	17.0%	-1.2%	21.4%
Trong nước	652	4.2%	1,583	7.5%	-44.7%	15.7%
Viễn thông	1,540	12.1%	4,582	14.2%	-4.7%	23.4%
Giáo dục/Đầu tư	505	4.8%	1,707	6.1%	3.3%	29.8%
LNTT	1,140	17.9%	3,025	19.4%	2.2%	23.0%
CNTT	576	15.9%	1,416	22.6%	-0.1%	21.5%
Nước ngoài	529	25.1%	1,391	24.8%	20.3%	23.4%
Trong nước	46	-37.8%	24	-40.0%	-90.8%	3.8%
Viễn thông	387	10.6%	967	17.1%	4.9%	22.8%
Giáo dục/Đầu tư	177	47.5%	642	16.1%	3.4%	27.9%
Lợi nhuận thuần	796	20.4%	2,174	20.9%	4.2%	23.3%

Nguồn: FPT, HSC

Mặc dù mảng này vẫn ghi nhận tăng trưởng lợi nhuận tốt nhưng tăng trưởng doanh thu bắt đầu chững lại, phản ánh nhu cầu thận trọng từ thị trường dịch vụ CNTT nước ngoài. Riêng trong tháng 3, doanh thu và LNTT mảng Công nghệ đạt lần lượt 3.575 tỷ đồng (tăng 9% so với cùng kỳ) và 576 tỷ đồng (tăng 16% so với cùng kỳ).

Trong phân khúc **Dịch vụ CNTT Nước ngoài**, tăng trưởng doanh thu so với cùng kỳ trong quý tại khu vực châu Á – Thái Bình Dương (APAC) và Mỹ đều khá yếu, chỉ đạt 5% và 8%, trái ngược với mức tăng trưởng bền bỉ tại Nhật Bản (30%) và EU (25%). Trong đó, doanh thu từ chuyển đổi số trong Q1/2025 và riêng tháng 3 đạt lần lượt 3.579 tỷ đồng (tăng 21% so với cùng kỳ) và 1.111 tỷ đồng (đi ngang so với cùng kỳ), đóng góp 44% và 38% tổng doanh thu mảng Dịch vụ CNTT Nước ngoài. Dù tăng trưởng doanh thu có phần yếu đi, tỷ suất LNTT của phân khúc Dịch vụ CNTT Nước ngoài đã mở rộng lên mức 17% (so với 16% trong Q1/2024 và 14% trong Q4/2024) nhờ tối ưu hóa chi phí và đồng JPY tăng giá, hỗ trợ tăng trưởng lợi nhuận.

Doanh thu ký mới trong Q1/2025 tăng 17% so với cùng kỳ đạt 11,5 nghìn tỷ đồng, tuy nhiên riêng tháng 3 ghi nhận tín hiệu suy yếu, với doanh thu ký mới ước tính giảm 17% so với cùng kỳ xuống 3.358 tỷ đồng.

Đối với phân khúc **Dịch vụ CNTT trong nước**, doanh thu tăng 4% so với cùng kỳ đạt 652 tỷ đồng trong tháng 3, và tăng 8% so với cùng kỳ (giảm 45% so với quý trước, phù hợp với tính mùa vụ của phân khúc kinh doanh này) đạt 1.583 tỷ đồng trong Q1/2025. LNTT của phân khúc Dịch vụ CNTT trong nước đạt 24 tỷ đồng trong Q1/2025, giảm 40% so với cùng kỳ và giảm 91% so với quý trước, mặc dù đóng góp 46 tỷ đồng vào LNTT trong tháng 3 (giảm 38% so với cùng kỳ).

Mảng Viễn thông duy trì đà tăng trưởng ổn định, dẫn dắt bởi dịch vụ băng thông rộng

Trong Q1/2025, mảng **Viễn thông** ghi nhận doanh thu và LNTT tăng lần lượt 14% và 17% so với cùng kỳ, đạt 4.582 tỷ đồng và 967 tỷ đồng, tương ứng với tỷ suất LNTT đạt 21,1%, cao hơn so với 20,6% trong Q1/2024 và 19,2% trong Q4/2024. Xét theo phân khúc, dịch vụ băng thông rộng tăng 16% so với cùng kỳ (1% so với quý trước) đạt 2.397 tỷ đồng, được hỗ trợ bởi việc ứng dụng AI nhằm cải thiện chất lượng dịch vụ. Doanh thu tăng nhờ sự kết hợp giữa tăng trưởng thuê bao và cải thiện ARPU (doanh thu bình quân trên mỗi người dùng). Các dịch vụ viễn thông khác (bao gồm truyền hình trả tiền PayTV, đường dây cho thuê, và dịch vụ dữ liệu/đám mây) cũng tăng trưởng khả quan 15% so với cùng kỳ (dù giảm 6% so với quý trước) đạt 2.074 tỷ đồng.

Mảng Giáo dục và Đầu tư vượt dự báo

Trong Q1/2025, doanh thu và LNTT của mảng **Giáo dục và Đầu tư** đạt lần lượt 1.707 tỷ đồng (tăng 6% so với cùng kỳ) và 642 tỷ đồng (tăng 16% so với cùng kỳ), vượt dự báo của HSC và bù đắp cho sự chững lại của mảng Công nghệ. Riêng mảng Giáo dục, doanh thu đạt 1.830 tỷ đồng, tăng 3% so với cùng kỳ nhưng giảm 5% so với quý trước.

Quan hệ đối tác chiến lược với Sumitomo và SBI Holdings

Ngày 22/4, FPT công bố hợp tác chiến lược với Sumitomo Corporation và SBI Holdings – hai tập đoàn tài chính và công nghiệp hàng đầu tại Nhật Bản – nhằm thúc đẩy ứng dụng AI thông qua hệ sinh thái nhà máy FPT AI, đóng góp vào việc phát triển AI có chủ quyền tại Nhật Bản.

Theo thỏa thuận hợp tác, hai đối tác sẽ cùng đầu tư để mỗi bên sở hữu 20% cổ phần tại FPT Smart Cloud Japan (đơn vị thành viên của FPT), trong khi FPT sở hữu 60% cổ phần còn lại. Dựa trên năng lực công nghệ của FPT cùng với kinh nghiệm và mạng lưới sâu rộng của Sumitomo và SBI Holdings trong nhiều lĩnh vực, các bên cam kết sẽ phát triển chung mảng kinh doanh AI và điện toán đám mây tại Nhật Bản.

Duy trì khuyến nghị Mua vào, giá mục tiêu và dự báo

Sau khi giá cổ phiếu giảm 14% trong 1 tháng qua, FPT đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 17,9 lần, thấp hơn bình quân 3 năm ở mức 19,2 lần. Mặc dù các yếu tố bất lợi đang xuất hiện, định giá đang trở nên hấp dẫn hơn. HSC khuyến nghị Mua vào ở mức giá điều chỉnh.

Dù KQKD Q1/2025 sát với dự báo, chúng tôi ghi nhận tác động tiêu cực ban đầu từ nhu cầu chi tiêu CNTT nước ngoài yếu đi. Tuy nhiên, thị trường Nhật Bản (đóng góp 43% doanh thu phân khúc Dịch vụ CNTT nước ngoài và 22% tổng doanh thu của FPT) được kỳ vọng sẽ duy trì ổn định nhất giữa bối cảnh biến động; kết hợp với các nỗ lực tối ưu chi phí, điều này sẽ tiếp tục hỗ trợ tăng trưởng lợi nhuận thuần cho phần còn lại của năm.

Bảng 2: Biến động tỷ suất lợi nhuận theo tháng, FPT

Tỷ suất LNTT / lợi nhuận gộp trong tháng 3 tăng mạnh nhờ sự cải thiện ở tất cả các mảng kinh doanh (nhưng chủ yếu tới từ mảng Viễn thông và Dịch vụ CNTT nước ngoài)

	2T24	T3-24	T4-24	T5-24	T6-24	T7-24	T8-24	T9-24	T10-24	T11-24	T12-24	2T25	T3-25
LNTT	17.5%	18.9%	18.6%	17.6%	16.3%	17.9%	18.5%	18.5%	20.1%	18.1%	12.9%	18.1%	20.3%
CNTT	12.7%	15.2%	13.1%	12.6%	14.6%	13.8%	14.6%	12.9%	16.6%	13.7%	8.6%	13.6%	16.1%
Nước ngoài	15.9%	16.0%	15.5%	14.8%	16.3%	16.1%	17.0%	15.8%	17.2%	16.2%	8.2%	16.4%	18.1%
Trong nước	-4.0%	11.8%	2.3%	1.2%	10.1%	-0.2%	4.7%	1.4%	13.1%	5.8%	9.5%	-2.4%	7.1%
Viễn thông	18.0%	25.5%	21.4%	22.6%	22.0%	20.5%	21.0%	18.3%	20.2%	19.4%	18.1%	19.1%	25.1%
Giáo dục/Đầu tư	38.4%	24.9%	41.3%	35.9%	10.7%	41.3%	36.3%	53.5%	39.5%	48.2%	27.6%	38.7%	35.0%
Tỷ suất lợi nhuận thuần	12.7%	12.9%	13.4%	12.1%	11.4%	12.5%	13.3%	13.5%	14.5%	13.1%	8.5%	13.2%	14.2%

Nguồn: FPT, HSC

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Doanh thu	52,618	62,849	73,578	88,250	105,071
Lợi nhuận gộp	20,320	23,698	27,804	33,293	39,591
Chi phí BH&QL	(11,868)	(13,190)	(15,944)	(19,043)	(22,641)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	8,452	10,508	11,860	14,251	16,950
Lãi vay thuần	618	124	631	689	905
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	42.3	393	597	730	893
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	91.3	44.6	52.2	62.6	74.5
LN TT	9,203	11,070	13,140	15,732	18,822
Chi phí thuế TNDN	(1,415)	(1,642)	(1,996)	(2,414)	(2,895)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(1,323)	(1,571)	(1,799)	(2,044)	(2,267)
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	6,465	7,857	9,345	11,274	13,660
Lợi nhuận thuần ĐC	6,449	7,849	9,335	11,262	13,647
EBITDA ĐC	10,738	13,044	15,053	18,088	21,552
EPS (đồng)	4,661	4,917	5,844	7,051	8,543
EPS ĐC (đồng)	4,052	4,917	5,844	7,051	8,543
DPS (đồng)	2,000	2,000	2,500	2,500	3,000
Slg CP bình quân (triệu đv)	1,267	1,471	1,471	1,471	1,471
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	1,270	1,471	1,471	1,471	1,471
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	1,270	1,471	1,471	1,471	1,471

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Tiền & tương đương tiền	8,279	9,315	12,738	16,826	21,767
Đầu tư ngắn hạn	16,104	21,785	26,142	31,371	37,645
Phải thu khách hàng	9,674	11,382	13,290	16,447	19,582
Hàng tồn kho	1,593	1,857	2,281	2,736	3,257
Các tài sản ngắn hạn khác	1,055	1,197	1,399	1,678	1,998
Tổng tài sản ngắn hạn	36,706	45,536	55,850	69,058	84,248
TSCĐ hữu hình	13,697	15,334	17,062	18,175	18,637
TSCĐ vô hình	1,257	2,040	2,009	1,928	1,782
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Đầu tư dài hạn	1,227	1,037	1,179	1,308	1,443
Đầu tư vào Cty LD,LK	2,108	2,281	2,395	2,515	2,641
Tài sản dài hạn khác	5,288	5,772	5,499	6,097	6,855
Tổng tài sản dài hạn	23,577	26,464	28,144	30,022	31,359
Tổng cộng tài sản	60,283	72,000	83,993	99,080	115,607
Nợ ngắn hạn	13,838	14,446	16,923	19,415	21,014
Phải trả người bán	2,603	4,424	5,170	6,201	7,383
Nợ ngắn hạn khác	11,176	13,105	15,147	18,167	21,630
Tổng nợ ngắn hạn	29,652	34,836	40,583	47,793	54,801
Nợ dài hạn	208	501	1,000	1,000	1,000
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	246	357	428	514	617
Nợ dài hạn khác	175	315	368	442	526
Tổng nợ dài hạn	629	1,173	1,797	1,956	2,143
Tổng nợ phải trả	30,350	36,272	42,380	49,749	56,944
Vốn chủ sở hữu	24,974	29,794	34,790	41,484	49,639
Lợi ích cổ đông thiểu số	4,959	5,933	6,823	7,847	9,024
Tổng vốn chủ sở hữu	29,933	35,728	41,613	49,331	58,663
Tổng nợ phải trả và VCSH	60,283	72,000	83,993	99,080	115,607
BVPS (đ)	19,665	20,253	23,650	28,200	33,743
Nợ thuần*/(tiền mặt)	5,767	5,632	5,185	3,589	248

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
EBIT	8,452	10,508	11,860	14,251	16,950
Khấu hao	(2,287)	(2,535)	(3,193)	(3,838)	(4,602)
Lãi vay thuần	618	124	631	689	905
Thuế TNDN đã nộp	(1,415)	(1,642)	(1,996)	(2,414)	(2,895)
Thay đổi vốn lưu động	678	303	(1,229)	(1,889)	(1,681)
Khác	(1,102)	(125)	(568)	(819)	(933)
LCT thuần từ HĐKD	9,517	11,704	11,891	13,655	16,949
Đầu tư TS dài hạn	(3,978)	(3,275)	(5,286)	(5,353)	(5,507)
Góp vốn & đầu tư	(35,290)	(43,063)	(4,471)	(5,348)	(6,400)
Thanh lý	30,582	36,346	0	0	0
Khác	2,137	1,530	1,990	2,320	2,712
LCT thuần từ HĐĐT	(6,548)	(8,462)	(7,766)	(8,381)	(9,194)
Cổ tức trả cho CSH	(2,931)	(3,292)	(3,678)	(3,678)	(4,413)
Thu từ phát hành CP	73.1	163	0	0	0
Tăng/giảm nợ	1,719	933	2,976	2,492	1,599
Khác	(30.2)	(2.31)	0	0	0
LCT thuần từ HĐTC	(1,168)	(2,198)	(702)	(1,186)	(2,814)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	6,440	8,279	9,315	12,738	16,826
LCT thuần trong kỳ	1,800	1,044	3,423	4,088	4,940
Ảnh hưởng của tỷ giá	38.6	(7.92)	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	8,279	9,315	12,738	16,826	21,767
Dòng tiền tự do	5,539	8,428	6,605	8,302	11,442

Các chỉ số tài chính	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	38.6	37.7	37.8	37.7	37.7
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	20.4	20.8	20.5	20.5	20.5
Tỷ suất LNT (%)	12.3	12.5	12.7	12.8	13.0
Thuế TNDN hiện hành (%)	15.4	14.8	15.2	15.3	15.4
Tăng trưởng doanh thu (%)	19.6	19.4	17.1	19.9	19.1
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	24.5	21.5	15.4	20.2	19.1
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	21.7	21.7	18.9	20.6	21.2
Tăng trưởng EPS (%)	5.24	5.47	18.9	20.6	21.2
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	21.2	21.3	18.9	20.6	21.2
Tăng trưởng DPS (%)	0	0	25.0	0	20.0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	42.9	40.7	42.8	35.5	35.1
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	28.1	28.7	28.9	29.6	30.0
ROACE (%)	29.3	31.0	29.4	30.1	30.2
Vòng quay tài sản (lần)	0.94	0.95	0.94	0.96	0.98
Tiềm mặt HD/EBIT (lần)	1.13	1.11	1.00	0.96	1.00
Số ngày tồn kho	18.0	17.3	18.2	18.2	18.2
Số ngày phải thu	109	106	106	109	109
Số ngày phải trả	29.4	41.2	41.2	41.2	41.2
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	25.5	20.8	16.8	10.5	2.39
Nợ/tài sản (%)	24.3	21.5	22.1	21.4	19.9
EBIT/lãi vay (lần)	N/a	N/a	N/a	N/a	N/a
Nợ/EBITDA (lần)	1.36	1.19	1.23	1.17	1.06
Chỉ số TT hiện thời (lần)	1.24	1.31	1.38	1.44	1.54
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	2.77	2.67	2.28	1.88	1.55
EV/EBITDA ĐC (lần)	13.6	12.9	11.1	9.18	7.55
P/E (lần)	23.7	22.5	18.9	15.7	12.9
P/E ĐC (lần)	27.2	22.5	18.9	15.7	12.9
P/B (lần)	5.61	5.45	4.67	3.91	3.27
Lợi suất cổ tức (%)	1.81	1.81	2.26	2.26	2.72

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn